

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3311/05-25

Mã mẫu: 2505NC087 (033/05-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP.HCM
Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM
Ngày lấy (nhận) mẫu : 06/05/2025 **Ngày trả kết quả**: 13/05/2025
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NC1 Lấy tại đầu mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,33	6,0-8,5
2	Mùi – vị	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0.0	2
4	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
5	Độ kiềm ^(c)	mg/L	TCVN 6636-1:2000	17	-
6	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,42	0,2-1
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
8	E.coli ^(b)	CFU/250mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
9	Coliform ^(b)	CFU/250mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<3

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC

Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3310/05-25

Mã mẫu: 2505NC088 (033/05-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu: XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUYẾT LỢI TP.HCM
Địa chỉ lấy mẫu: TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM
Ngày lấy (nhận) mẫu: 06/05/2025 **Ngày trả kết quả**: 13/05/2025
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu: Nước cấp
Mô tả mẫu: Nước trong
Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu: NC2 Lấy tại giữa mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,38	6,0-8,5
2	Mùi - vị	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0.0	2
4	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
5	Độ kiềm ^(c)	mg/L	TCVN 6636-1:2000	17	-
6	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,36	0,2-1
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
8	E.coli ^(b)	CFU/250mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
9	Coliform ^(b)	CFU/250mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<3

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3312/05-25

Mã mẫu: 2505NC089 (033/05-25) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu : 06/05/2025 **Ngày trả kết quả:** 13/05/2025

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước cấp

Mô tả mẫu : Nước trong

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NC3 Lấy tại cuối mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,41	6,0-8,5
2	Mùi – vị	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0.0	2
4	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
5	Độ kiềm ^(c)	mg/L	TCVN 6636-1:2000	15	-
6	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,34	0,2-1
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
8	E.coli ^(b)	CFU/250mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
9	Coliform ^(b)	CFU/250mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<3

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN